

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG
Số: 05/2004/TT-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2004

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số điều về xử lý vi phạm hành chính
và khiếu nại, tố cáo quy định tại Chương IV Nghị định số 55/2001/NĐ-CP
của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ internet**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet;

Căn cứ Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08/7/2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn thực hiện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều về các hành vi vi phạm hành chính và việc xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Chương IV Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet (sau đây gọi tắt là "Nghị định").

Các hành vi vi phạm hành chính về Internet có liên quan đến tần số vô tuyến điện được xử lý theo quy định tại Nghị định 142/2004/NĐ-CP ngày 8/7/2004 của Chính

phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức cá nhân nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) hoạt động trong lĩnh vực Internet tại Việt Nam, bao gồm:

2.1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet:

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP);

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP);

c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông).

2.2. Đơn vị cung cấp dịch vụ truy nhập Internet dùng riêng (ISP dùng riêng).

2.3. Đại lý cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, đại lý cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (sau đây gọi là đại lý Internet).

2.4. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (sau đây gọi là người sử dụng dịch vụ Internet).

2.5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông liên quan đến hoạt động Internet.

2.6. Các doanh nghiệp, đại lý cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet khác và người sử dụng dịch vụ ứng dụng Internet khác không thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông như thông tin, thương mại, ngân hàng, y tế, đào tạo... ngoài việc tuân theo các quy định tại Thông tư này còn phải tuân theo các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về Internet

3.1. Tổ chức, cá nhân thuộc diện được hưởng quyền miễn trừ xử phạt hành chính theo quy định của Pháp lệnh về quyền ưu đãi miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam ngày 07/9/1993.

- 3.2. Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nêu tại mục 5 Phần I Thông tư này;
- 3.3. Hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm;
- 3.4. Người chưa thành niên dưới 14 tuổi;
- 3.5. Những trường hợp được quy định tại Điều 4 Nghị định 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

4. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về Internet

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về Internet thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

5. Thời hiệu, thời hạn xử phạt vi phạm hành chính về Internet

5.1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về Internet được thực hiện theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 4 Nghị định 142/2004/NĐ-CP ngày 08/7/2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

5.2. Quá thời hạn quy định tại điểm 5.1 của mục này thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d khoản 8 Điều 41 Nghị định.

5.3. Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính về Internet được thực hiện theo Điều 9 Nghị định 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

6. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

6.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về Internet phải chịu một trong những hình thức xử phạt chính theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 8 Điều 41 Nghị định.

6.2. Các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điểm a, b, c khoản 8 Điều 41 Nghị định chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

II. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ INTERNET VÀ HÌNH THỨC XỬ PHẠT

1. Hành vi vi phạm hành chính về Internet quy định tại khoản 1 Điều 41: Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi không khai báo làm thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ Internet bị mất hoặc bị hư hỏng, được hướng dẫn như sau:

- 1.1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ;
- 1.2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm khác ngoài trường hợp hướng dẫn tại điểm 1.1 trên đây.

2. Hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 41: Vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý truy nhập, kết nối Internet trong việc sử dụng dịch vụ Internet, bao gồm:

- 2.1. Người sử dụng dịch vụ Internet quay số điện thoại quốc tế trực tiếp để truy nhập đến các nhà cung cấp dịch vụ Internet nước ngoài;
- 2.2. Sử dụng các dịch vụ Internet thuộc danh mục dịch vụ Internet bị cấm hoặc chưa được phép sử dụng theo quy định của pháp luật;
- 2.3. Người sử dụng dịch vụ Internet truy nhập vào các trang tin điện tử (website) có nội dung gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, vi phạm thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hoá Việt Nam.

3. Hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41: Vi phạm các quy định của Nhà nước về an toàn, an ninh thông tin trên Internet trong việc sử dụng dịch vụ Internet, bao gồm:

- 3.1. Lưu giữ trên máy tính kết nối Internet tin, tài liệu, số liệu thuộc bí mật Nhà nước;
- 3.2. Sử dụng hoặc hướng dẫn người khác sử dụng công cụ hỗ trợ để truy nhập các trang tin điện tử do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấm truy nhập.

4. Hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41: Sử dụng quá hạn giấy phép cung cấp dịch vụ Internet, được hướng dẫn như sau:

- 4.1. Sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ Internet đã hết hạn sử dụng đến 03 tháng thì áp dụng mức phạt quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định;
- 4.2. Sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ Internet đã hết hạn sử dụng từ trên 03 tháng đến 06 tháng thì áp dụng mức phạt theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 41

Nghị định;

4.3. Sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ Internet đã hết hạn sử dụng trên 06 tháng thì áp dụng mức phạt quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định.

5. Hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 41: Vi phạm các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet, bao gồm:

5.1. Cung cấp dịch vụ Internet không có giấy chứng nhận đăng ký chất lượng dịch vụ theo quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

5.2. Sử dụng giấy chứng nhận đăng ký chất lượng hết thời hạn sử dụng hoặc đã bị huỷ bỏ;

5.3. Không công bố công khai tại điểm cung cấp dịch vụ Internet các chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký;

5.4. Công bố chỉ tiêu chất lượng dịch vụ Internet thấp hơn các chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký;

5.5. Cung cấp dịch vụ Internet không đảm bảo chỉ tiêu chất lượng đã công bố hoặc đã đăng ký;

5.6. Không thực hiện chế độ báo cáo chất lượng dịch vụ Internet do mình cung cấp theo quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

6. Hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 41: Vi phạm các quy định của Nhà nước về giá, cước dịch vụ Internet trong việc cung cấp dịch vụ Internet, bao gồm:

6.1. Quy định mức giá, cước các dịch vụ Internet không đúng thẩm quyền;

6.2. Sử dụng phần mềm tính cước để tính cước dịch vụ Internet cao hơn mức đã quy định;

6.3. Thu cước dịch vụ Internet cao hơn mức đã quy định;

6.4. Đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực giá, cước dịch vụ Internet được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 169/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.